

Thực trạng bạo lực đối với phụ nữ và một số vấn đề trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân tại Việt Nam

Hoàng Thị Thu Huyền*

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích hệ thống luật pháp chính sách của Nhà nước và các tài liệu thứ cấp về vấn đề bạo lực gia đình, bài viết khái lược thực trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, phân tích khả năng vận hành, đáp ứng của hệ thống dịch vụ thiết yếu, cũng như đặt ra một số vấn đề trong tiếp cận dịch vụ thiết yếu đối với nạn nhân bị bạo lực giới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thực trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn đang tồn tại dai dẳng, trong khi khả năng đáp ứng các dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân bị bạo lực tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều bất cập khiến nhiều nạn nhân khó tiếp cận được các dịch vụ hỗ trợ này. Nguyên nhân chủ yếu là do các chương trình thí điểm còn ở quy mô nhỏ, các biện pháp ứng phó thực hiện một cách rời rạc, bỏ qua những mối liên hệ rõ ràng giữa các hình thức khác nhau của bạo lực giới.

Từ khóa: Bạo lực trên cơ sở giới; Bạo lực đối với phụ nữ; Bạo lực đối với trẻ em gái; Dịch vụ thiết yếu; Hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực.

Ngày nhận bài: 1/7/2019; ngày chỉnh sửa: 17/7/2019; ngày duyệt đăng: 8/8/2019.

* ThS., Vụ Bình đẳng giới, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

1. Đặt vấn đề

Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái là vấn đề xảy ra ở mọi quốc gia có trình độ phát triển khác nhau, trong đó có Việt Nam. Là một nước đang phát triển nhưng tư tưởng Nho giáo nói chung và tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” đã từng thống trị kéo dài trong xã hội nên bạo lực trên cơ sở giới vẫn đang diễn biến phức tạp. Trong thời gian qua, Chính phủ đã có rất nhiều cố gắng trong thúc đẩy bình đẳng giới và xóa bỏ bạo lực giới thông qua xây dựng và thực thi hệ thống luật pháp, nghị định, thông tư hướng dẫn, kế hoạch, chương trình quốc gia về thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nhưng nạn bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái vẫn tồn tại, trong khi khả năng đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu dành cho nạn nhân bị bạo lực chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

Dựa trên cơ sở các tài liệu nghiên cứu sẵn có về bạo lực trên cơ sở giới, các báo cáo về thực hiện mục tiêu quốc gia bình đẳng giới và nghiên cứu đánh giá đầu vào của Chương trình chung về gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực ở Việt Nam⁽¹⁾ cũng như trên cơ sở rà soát hệ thống luật pháp chính sách của nhà nước trong lĩnh vực này, bài viết phân tích những điểm bất cập trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội thiết yếu dành cho nạn nhân, cũng như đặt ra một số vấn đề trong tiếp cận dịch vụ thiết yếu đối với nạn nhân bị bạo lực giới cần giải quyết.

2. Thực trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái

Các hình thức phân biệt đối xử, nhằm vào phụ nữ vì người đó là phụ nữ hoặc gây ra sự mất công bằng đối với phụ nữ được coi là bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm các hành động gây đau đớn về thể xác, tinh thần hay tình dục, từ đe dọa đến thực hiện những hành động này hoặc cưỡng bức hay tước đoạt tự do dưới các hình thức khác nhau (Ủy ban CEDAW, 1992). Mặc dù phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể trở thành nạn nhân của bạo lực giới nhưng phụ nữ và trẻ em gái thường là nạn nhân chủ yếu.

Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn đang diễn ra ở khắp mọi nơi. Khoảng 35% phụ nữ trên thế giới đã phải chịu một hình thức bạo lực trong đời là bị đánh đập hoặc lạm dụng tình dục, ép buộc quan hệ tình dục và nghiêm trọng hơn là 38% phụ nữ bị tử vong đều do bạo tình gây ra (WHO, 2013). Ở Việt Nam, năm 2010 có tới 58% phụ nữ đã từng chịu ít nhất một trong ba hình thức bạo lực thể chất, tinh thần và tình dục từ người thân tại một số thời điểm trong cuộc sống của họ; 87% đã từng bị quấy rối tình dục ở nơi công cộng; 10% đã bị tấn công tình dục bởi chồng của họ. Khoảng 50% nạn nhân chưa từng nói với ai về tình trạng bạo lực mà họ phải chịu đựng và đến 87% nạn nhân bạo lực gia đình chưa tìm kiếm sự hỗ trợ từ các dịch vụ công (Tổng cục Thống kê, UNFPA, 2010).

Cho đến nay, ở Việt Nam tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái cả ở phạm vi trong gia đình và ngoài xã hội vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp dưới nhiều hình thức khác nhau như bạo lực gia đình, xâm hại đối với phụ nữ và trẻ em gái, quấy rối tình dục, mại dâm ép buộc, mua bán người, bắt nạt học đường, hôn nhân ép buộc, tảo hôn... Và nhiều phụ nữ và gia đình họ vì các lý do khác nhau đã cam chịu, không tố cáo, nhất là khi người gây bạo lực, xâm hại lại là người thân. Từ năm 2016 đến nay, nạn nhân là trẻ em gái chiếm hơn 80% trong số vụ việc trẻ em bị bạo lực và xâm hại tình dục được phát hiện và có chiều hướng gia tăng. Cụ thể, năm 2016 có 1.627 trẻ em bị bạo lực và xâm hại tình dục (416 em bị bạo lực và 1.211 em bị xâm hại tình dục) trong đó nạn nhân là trẻ em gái là 1.369 em (chiếm 84%); 8 tháng đầu năm 2017 có 832 vụ bạo lực và xâm hại tình dục (116 em bị bạo lực và 716 em bị xâm hại tình dục) trong đó nạn nhân là trẻ em gái là 765 em (chiếm tỷ lệ 92%). Tính từ năm 2016 đến hết tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, huyện trên toàn quốc đã xét xử 1.880 vụ xâm hại trẻ em với 1.976 bị cáo. Đối tượng có hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em chủ yếu là người thân, quen với 21,3% là bố đẻ, bố dượng, anh, em họ hàng; 6,2% là thầy giáo, nhân viên nhà trường; 59,9% là người quen, hàng xóm... Đối với phụ nữ trưởng thành, đa số đối tượng bị bạo lực đều là bạo lực gia đình (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017 và 2018).

Trong một nghiên cứu của UN Women và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại tỉnh Bến Tre năm 2018, phần lớn phụ nữ, trẻ em gái đã trải qua bạo lực giới, trong đó, hình thức bạo lực giới nhiều nhất là bạo lực tinh thần, chiếm 80,5% số người được phỏng vấn, tiếp theo là bạo lực thể chất (11,1%). Trong đó, hầu hết cảm thấy bị tổn thương về tinh thần - lên tới 95,8%, với các biểu hiện phổ biến như: cảm xúc giận dữ, thiếu bình tĩnh, dễ tức giận, cáu gắt (60,2%); luôn lo lắng, phiền muộn (45,8%) hoặc có cảm giác sợ hãi, hoảng loạn (35,6%). 46,6% phụ nữ, trẻ em được khảo sát đã từng bị các thương tích về thể chất do bạo lực giới, loại thương tích thường gặp là những vết trầy xước, thâm tím (chiếm 22,9%) (UNWomen, GED-MOLISA, 2018).

3. Luật pháp chính sách về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để cải thiện thể chế chính sách và thực hiện nghiêm túc cam kết quốc tế về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Luật Bình đẳng giới (năm 2006) và Luật phòng, chống bạo lực gia đình (2007) được triển khai thực hiện trên toàn quốc, là nền tảng quan trọng để giải quyết vấn đề bạo lực đối trên cơ sở giới và bạo lực phụ nữ tại Việt Nam. Theo đó, bạo lực trên cơ sở giới là một trong những hành vi bị nghiêm cấm (Khoản 3, Điều 10 Luật Bình đẳng

giới) và các hành vi bạo lực gia đình và nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình được xác định (Điều 2 và Điều 3 Luật phòng, chống bạo lực gia đình). Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 xác định mục tiêu và các giải pháp phù hợp nhằm xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới và hướng tới bảo đảm bình đẳng giới trong gia đình: phần đầu đến năm 2015, 40% số nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện sẽ được tư vấn về các dịch vụ pháp lý và y tế, được hỗ trợ và chăm sóc tại các trung tâm trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình; đến năm 2015 có 50%, đến năm 2020 có 70% và đến năm 2025 có 80% số thủ phạm được phát hiện sẽ được tư vấn tại các trung tâm tư vấn phòng ngừa bạo lực gia đình.

Chính phủ cũng đã phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới 2011-2015, Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 và Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 nhằm nâng cao nhận thức và hành động ở các cấp, các ngành, cộng đồng và toàn xã hội về thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực giới và bạo lực gia đình. Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” được phê duyệt ngày 22 tháng 7 năm 2016 để tăng cường cơ chế và chính sách nhằm phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, thông qua việc nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, triển khai các biện pháp phòng ngừa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kịp thời cho nạn nhân của bạo lực giới. Đến trước 2020, Đề án này phấn đấu đạt các chỉ tiêu 100% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện và hỗ trợ kịp thời, 50% số thủ phạm gây ra bạo lực trên cơ sở giới được xác định và thủ phạm gây ra bạo lực được tư vấn hoặc bị trừng trị thích đáng. Đặc biệt, Đề án chú trọng việc bảo đảm an toàn cho nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới qua thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, thiết lập các hướng dẫn và tiêu chuẩn đối với việc cung cấp dịch vụ và bảo vệ nạn nhân.

4. Khả năng đáp ứng các dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân bị bạo lực tại Việt Nam

Các dịch vụ thiết yếu bao gồm một loạt những dịch vụ cốt lõi được cung cấp bởi các ngành y tế, dịch vụ xã hội, tư pháp và hành pháp. Các dịch vụ ở mức tối thiểu cần bảo đảm các quyền, sự an toàn và sức khỏe của mọi phụ nữ và trẻ em gái từng bị bạo lực trên cơ sở giới (UN Women và các cơ quan khác, 2017). Việc điều phối các dịch vụ thiết yếu là một quá trình được quản trị bởi luật pháp và chính sách. Nó bao gồm nỗ lực phối hợp của các nhóm và nhân lực trong nhiều lĩnh vực, cũng như các cơ quan từ tất cả các ngành liên quan nhằm triển khai các luật, chính sách, thủ tục và thoả thuận, đồng

thời truyền thông và phối hợp để phòng chống và ứng phó với bạo lực nhằm vào phụ nữ và trẻ em (UN Women và các cơ quan khác, 2017).

Khả năng đáp ứng các dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân bị bạo lực trong nghiên cứu này được xem xét từ các quy định về hỗ trợ các dịch vụ dành cho phụ nữ bị bạo lực cũng đã được Việt Nam ban hành và thực hiện để đáp ứng nhu cầu và mong muốn của xã hội đối với phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới. Cụ thể như sau:

Trong lĩnh vực y tế:

Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 16/2009/TT-BYT hướng dẫn hệ thống chăm sóc y tế về sàng lọc, tư vấn, chữa trị và báo cáo về nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở y tế. Bộ Y tế tiếp tục ban hành Thông tư 24/2017/TT-BYT quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Bộ Y tế cũng thực hiện các chương trình thí điểm nâng cao năng lực cho cán bộ y tế trong việc phát hiện, chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ và báo cáo về nạn nhân bạo lực gia đình ở các cơ sở y tế; thiết lập máy chủ và hệ thống phần mềm để lưu hồ sơ các vụ bạo lực gia đình; và tư vấn cho nạn nhân bạo lực.

Trong lĩnh vực tư pháp và hành pháp:

Thông tư số 11/2014/TT-BTP quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý, đặc biệt trong bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, tấn công tình dục và buôn bán người đã được Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn triển khai thực hiện trong ngành tư pháp ở các cấp. Các thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư tương lai được đào tạo những kiến thức và kỹ năng trong xử lý các vụ việc bạo lực tình dục và bạo lực gia đình, chú trọng tới nhu cầu của nạn nhân (Viện Tư pháp, Bộ Tư pháp); Xây dựng và phổ biến tài liệu đào tạo cho các cán bộ trợ giúp pháp lý trên toàn quốc để hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình (Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp). Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính, bao gồm lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình đã được ban hành và Bộ Công an là cơ quan đầu mối thực hiện. Cơ chế thu thập số liệu và chia sẻ thông tin về bạo lực gia đình được thực hiện thí điểm cùng với việc xây dựng và duy trì hoạt động của các đội phản ứng nhanh phòng chống bạo lực gia đình để cung cấp các biện pháp bảo vệ khẩn cấp và tước quyền cho nạn nhân/người trải qua bạo lực (UNIDO, UNFPA tại Việt Nam, 2018).

Trong trợ giúp xã hội:

Năm 2010, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 02/2010/BVHTTDL quy định chi tiết thủ tục đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực gia đình. Đến năm 2016, Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã yêu cầu mở rộng các dịch vụ hỗ trợ bao

gồm các trung tâm tạm lánh, đường dây nóng và tư vấn cho nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang thực hiện thí điểm vận hành 10 Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới và nghiên cứu xây dựng quy chuẩn tạm thời cho cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới và Trung tâm Phụ nữ và Phát triển thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã thiết lập một hệ thống nhà tạm lánh cho nạn nhân của bạo lực gia đình và buôn bán người (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017 và 2018).

Từ năm 2012 đến 2016, gói can thiệp tối thiểu, tập trung chủ yếu vào trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình được thí điểm triển khai ở Hải Dương và Bến Tre do Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Văn phòng Liên hiệp quốc về chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) thực hiện. Gói can thiệp tối thiểu bao gồm bốn nhóm chính: (i) phòng ngừa ban đầu; (ii) các dịch vụ hỗ trợ y tế (tiếp nhận, sàng lọc, chăm sóc y tế và chữa trị cho nạn nhân của bạo lực gia đình; thu thập số liệu và báo cáo vụ việc gia đình tại các cơ sở y tế; kỹ năng tư vấn do cán bộ Sở y tế tập huấn); (iii) cơ chế chuyển tuyến (các đường dây nóng ở mỗi địa phương cung cấp tư vấn ban đầu và giới thiệu tới các dịch vụ y tế, tư pháp và chính sách; an toàn và bảo vệ (UNIDO, UNFPA tại Việt Nam, 2018).

Một số biện pháp về cộng tác và điều phối giữa các ngành và các cơ quan đã được chú trọng để đảm bảo đưa ra được biện pháp ứng phó toàn diện, lấy nạn nhân làm trung tâm. Quy chế phối hợp liên ngành về phòng chống bạo lực gia đình giữa các Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an được xây dựng tại Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thiết lập mạng lưới quốc gia về phòng chống bạo lực gia đình, trong khi Ban Chỉ đạo công tác gia đình đã được thành lập và đi vào hoạt động ở cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện và xã/phường, nhằm triển khai Chương trình hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình đến năm 2020 với cơ chế giám sát và đánh giá cụ thể rõ ràng. Thông tư số 23/2011/BVHTTDL đã quy định thu thập, xử lý thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình. Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội xây dựng công cụ giám sát việc triển khai Luật Bình đẳng giới và Luật phòng chống bạo lực gia đình. Các tổ chức xã hội thành lập Mạng lưới Phòng chống Bạo lực giới Việt Nam (GBVNet), một mạng lưới bao gồm 16 tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam chia sẻ những quan tâm chung về xóa bỏ bạo lực giới để góp phần tích cực vào các chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới, cung cấp thông tin và dịch vụ toàn diện, hiệu quả về các chương trình can thiệp phòng chống bạo lực giới.

5. Một số vấn đề đặt ra trong tiếp cận dịch vụ thiết yếu đối với nạn nhân bị bạo lực

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong thực thi luật pháp và cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực, nhưng thực tế cho thấy ở Việt Nam vẫn còn những “khoảng trống” về chính sách, cơ chế, tồn tại khoảng cách giữa luật pháp, chính sách và việc thực thi pháp luật liên quan đến bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình, đặc biệt việc tiếp cận và hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực giới còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Một số nghiên cứu tại Việt Nam đã chỉ ra rằng, tình trạng người dân, đặc biệt phụ nữ vẫn khó tiếp cận được tới các dịch vụ hỗ trợ này. Nhiều nạn nhân vẫn ngần ngại khi tiếp xúc với các dịch vụ công cộng vì cảm giác ngượng ngùng, xấu hổ, hoặc thiếu tin tưởng về cách mà các nhà cung cấp dịch vụ và cộng đồng đánh giá về họ. Điều tra quốc gia về bạo lực gia đình năm 2010 cho biết, có 87% nạn nhân bạo lực gia đình đã không tìm kiếm sự trợ giúp từ các dịch vụ công; chỉ có 43% tiết lộ là họ đã báo cho cảnh sát; 61% số vụ được trình báo chuyển sang hòa giải; chỉ 12% số vụ được trình báo với cảnh sát dẫn đến các cáo buộc hình sự; và chỉ 1% số vụ được trình báo dẫn đến kết án (Tổng cục Thống kê, UNFPA, 2010).

Nguyên nhân người dân chưa tiếp cận được các dịch vụ trợ giúp là do các biện pháp ứng phó hiện có đang thực hiện một cách rời rạc, chưa có sự kết nối để đáp ứng nhu cầu của những người bị bạo lực trên cơ sở giới, cũng như trong việc thực hiện các mục tiêu đã đặt ra trong luật pháp, chính sách về phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ. Còn nhiều khoảng trống về quy định pháp lý liên quan đến cung cấp dịch vụ thiết yếu cho nạn nhân bị bạo lực giới, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, hành pháp và tư pháp. Ví dụ trong lĩnh vực y tế: (i) chưa có quy định cụ thể về quy trình tiếp nhận, hỗ trợ, chăm sóc, bảo vệ trong ngành y tế (trừ quy định cho nạn nhân bị bạo lực gia đình); (ii) chưa có quy định yêu cầu cụ thể về vai trò, trách nhiệm của các cơ sở y tế, đội ngũ bác sỹ, y tá, nhân viên công tác xã hội trong việc tiếp nhận, sàng lọc, giám định hỗ trợ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các đối tượng nạn nhân bạo lực khác nhau; và (iii) chưa có quy định việc đảm bảo an toàn cho bác sỹ, y tá, nhân viên công tác xã hội là đối tượng rất dễ bị đe dọa, hành hung, bạo lực bởi đối tượng gây bạo lực (UN Women, GED-MOLISA, 2018).

Thêm nữa, chưa có quy định cụ thể nào về cơ chế phối hợp liên ngành trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực làm cho việc triển khai các chương trình, các biện pháp ứng phó còn rời rạc, không nhất quán và thống nhất. Không có một hệ thống trợ giúp chuyên nghiệp, vận hành xuyên suốt từ trung ương đến địa phương cũng như trong sự phối hợp ngang giữa các ngành với nhau. Nguồn lực hiện tại dành cho việc cung cấp

các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu cho nạn nhân bị bạo lực còn thiếu và yếu về chất lượng: kinh phí hạn chế, đội ngũ cán bộ cung cấp các dịch vụ còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; cơ sở vật chất không có hoặc nghèo nàn, dẫn đến việc hỗ trợ không hiệu quả hoặc không thu hút được nạn nhân đến sử dụng dịch vụ (UN Women, GED-MOLISA, 2018). Vì thế, khi xảy ra các hình thức bạo lực giới khác nhau dẫn tới việc tiếp cận và giải quyết không nhất quán, làm hạn chế cách tiếp cận toàn diện đối với bạo lực trên cơ sở giới và hạn chế khả năng của các chính sách và chương trình trong việc xây dựng những can thiệp có hiệu quả. Ví dụ, trong khi bạo lực gia đình thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, buôn bán người là trách nhiệm của Bộ Công an, lựa chọn giới tính trên cơ sở định kiến giới và tảo hôn/kết hôn trẻ em thuộc phạm vi trách nhiệm của Tổng cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, thì bình đẳng giới và các hành vi bạo lực trên cơ sở giới lại thuộc thẩm quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (UN Women, GED-MOLISA, 2018).

Thực tế này dẫn đến việc bỏ qua những mối liên hệ rõ ràng giữa các hình thức khác nhau của bạo lực giới, tạo ra sự tách biệt và khoảng trống do yếu tố chủ quan trong các ứng phó và dịch vụ. Hầu hết các can thiệp đều là các chương trình thí điểm quy mô nhỏ, và việc thiết lập tiêu chuẩn toàn quốc dựa trên các mô hình can thiệp như trên vẫn còn là một thách thức. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát sự tiến bộ của việc ứng phó với bạo lực giới, cũng như trong việc hiểu biết đầy đủ về vấn nạn bạo lực khi bối cảnh xã hội thay đổi theo tiến trình kinh tế.

6. Kết luận

Bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái là vi phạm quyền con người và thực trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái vẫn đang tồn tại dai dẳng, trong khi khả năng đáp ứng các dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân bị bạo lực tại Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Vì vậy, hoàn thiện thể chế, luật pháp chính sách đảm bảo quyền được sống trong môi trường không bạo lực, thúc đẩy không gian an toàn nơi làm việc và môi trường sống cần phải được đầu tư hơn nữa. Cùng với đó, cần tiếp tục có những nghiên cứu khoa học để có những bằng chứng rõ ràng về nhu cầu và mong muốn của người dân đối với các dịch vụ thiết yếu hỗ trợ cho các nạn nhân bị bạo lực; áp dụng các quy trình đã được thử nghiệm trên toàn cầu vào thực tiễn để đề xuất tiêu chuẩn dành cho các biện pháp ứng phó phù hợp, làm tiền đề cho việc thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này nhằm thực thi quyền bình đẳng của phụ nữ và trẻ em gái trên chặng đường phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Đây là Chương trình chung toàn cầu của Liên hợp quốc về Các dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực với sự hợp tác của UN Women, UNFPA, WHO, UNDP và UNODC nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tới gói dịch vụ đa ngành thiết yếu và có chất lượng cho phụ nữ và trẻ em gái từng bị bạo lực trên cơ sở giới.

Tài liệu trích dẫn

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2017 và 2018. Báo cáo việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2016 và năm 2017.

Quốc hội khoá XI. Luật Bình đẳng giới. Luật số 73/2006/QH11, ngày 29/6/2006.

Quốc hội khoá XII. Luật phòng, chống bạo lực gia đình. Luật số 02/2007/QH12, ngày 21/11/2007.

Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA). 2010. Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam năm 2010.

UN Women, Gender Equality Department - Ministry of Labour-Invalids and Social Affairs (GED-MOLISA). 2018. *Baseline assessment report 2018*. The Joint Program on Essential Services Package (ESP) for Women and Girls subject to Violence in Vietnam.

UN Women, UNFPA, WHO, UNDP, UNODC. 2017. Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực: Những yếu tố cốt lõi và hướng dẫn về chất lượng. http://www.un.org.vn/images/Goi_dich_vu_thiet_yeu-FULL.pdf.

UNIDO, UNFPA tại Việt Nam. 2018. Gói can thiệp tối thiểu phòng chống bạo lực gia đình tại Bến Tre và Hải Dương, 2012-2016.

WHO. 2013. Report on global and regional estimates of violence against women.